TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1183/2022/HC-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Hải Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hòa

2. Ông Phạm Văn Hễ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-HC ngày 07/01/2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2395/2022/QĐXXST-HC ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 9659/2022/QĐST-HC ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Dương Hoàng Lan K, sinh năm 1988; Địa chỉ: Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Bùi Thị Tuyết K, sinh năm 1956; Địa chỉ: Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số công chứng 0000931 ngày 27/02/2021 tại Văn phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B: Ông Trần Thanh B – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 09/UQ-UBND ngày 06/5/2021).

2.2 Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận B: Ông Trần Thanh B – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B. Là người đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền số 100/UQ-UBND ngày 23/3/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B và Ủy ban nhân dân Quận B: Ông Hồ Quảng C – Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Bùi Thị Tuyết K, sinh năm 1956; Địa chỉ: Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà Dương Hoàng Phương K, sinh năm 2001; Địa chỉ: Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Hoàng Phương K: Bà Bùi Thị Tuyết K, sinh năm 1956; Địa chỉ: Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số công chứng 0002766 ngày 23/8/2019 tại Văn phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại phiên tòa, các đương sự: Bà Bùi Thị Tuyết K có mặt; ông Trần Thanh B là người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B và Ủy ban nhân dân Quận B có đơn xin vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Tuyết K, bà Dương Hoàng Phương K có bà Bùi Thị Tuyết K là người đại diện hợp pháp có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B và Ủy ban nhân dân Quận B: Ông Hồ Quảng C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người khởi kiện bà Dương Hoàng Lan K có bà Bùi Thị Tuyết K đại diện trình bày:

Ngày 19/12/2018 Ủy ban nhân dân Quận B đo vẽ lại xác định diện tích khuôn viên đất theo thực tế đo đạc là 61,78m^2 (diện tích ban đầu là 60,9m^2). Diện tích này chưa tính ½ tường giáp chung nhà H.

Tại Biên bản kiểm đếm ngày 03/3/2020 lại ghi diện tích nhà G là 61,94m^2. Do có hai thông số về diện tích nhà, sau khi kiểm tra phát hiện bà đã có đơn khiếu nại.

Bản vẽ ngày 03/3/2020 không thể hiện giữa hai nhà Hvà G có hai bức tường riêng biệt dẫn đến việc Ủy ban nhân dân Quận B đã có Công văn số 856/UBND-BBT không đồng ý cộng ½ bức tường của nhà H vào diện tích của nhà G để tính diện tích bồi thường cho nhà G với lý do: nhà H mua theo Nghị định số 61/CP năm 2003, có chiều ngang 3,4m, trong giấy chứng nhận công nhận chiều ngang là 3,5m do cộng thêm ½ bức tường chung về hai bên, mỗi bên 5m nên không chấp nhận cộng thêm 5cm của ½ bức tường nhà H vào nhà G.

Ngày 31/7/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Công văn số 856/UBND-BBT về việc không chấp nhận cộng ½ bức tường chung phía nhà H.

Không đồng ý với Công văn số 856/UBND-BBT, bà có đơn khiếu nại. Ngày 20/10/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại. Quyết định số 05/QĐ-UBND đã thừa nhận sai sót trong việc tính toán số liệu diện tích thực tế mà nhà G đang sử dụng nhưng cũng không thống nhất việc cộng thêm ½ bức tường nhà G đã được cấp giấy phép.

Nay Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về việc không chấp nhận cộng ½ bức tường có chiều dài 15,9m, chiều rộng 0,6m có diện tích bằng 0,954 m^2; Hủy một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về việc giải quyết ½ bức tường đã nêu tại công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020; Buộc Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường diện tích đất bị thu hồi 44,57m^2 theo đơn giá thị trường 200.000.000 đồng/m^2, cụ thể: 200.000.000 đồng x 44,57m^2 = 8.914.000.000 đồng (tám tỷ chín trăm mười bốn triệu đồng); Buộc Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường tiền giấy bút, tiền tàu xe, chi phí đi lại, ăn uống để theo khiếu kiện tạm tính từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2021 là 1095 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng): 200.000 đồng/ngày x 1095 ngày = 219.000.000 đồng (hai trăm mười chín triệu đồng).

Ngày 10/5/2022, Người khởi kiện đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường tiền giấy bút, tiền tàu xe, chi phí đi lại, ăn uống để theo khiếu kiện tạm tính từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2021 là 1095 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng):

200.000 đồng/ngày x 1095 ngày = 219.000.000 đồng (hai trăm mười chín triệu đồng).

Theo nội dung Văn bản số 1084/UBND-BBT ngày 09/11/2021 và Văn bản số 1159/UBND-BBT ngày 26/11/2021, phía người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B và Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Căn nhà G, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Dương Hoàng Lan K và Dương Hoàng Phương K đứng tên, bị thu hồi đất trong dự án xây dựng Tuyến Tàu điện ngầm số 2 (Bến Thành – Tham Lương).

Về số liệu đo đạc diện tích đất.

Ngày 15/01/2018, Ủy ban nhân dân Quận B có Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với nhà G căn cứ theo số liệu diện tích đo đạc, kiểm đếm của Tổ Công tác:

- Diện tích khuôn viên: 60,90m^2 (đúng theo số ghi trong Giấy chứng nhận);

Không đồng ý với số liệu diện tích nêu trên, bà Dương Hoàng Lan K và bà Dương Hoàng Phương K (do bà Bùi Thị Tuyết K đại diện), có đơn khởi kiện văn bản hành chính của Ủy ban nhân dân Quận B ra Tòa án nhân dân Thành phố.

Thực hiện theo thỏa thuận tại Biên bản đối thoại thành ngày 21/11/2018, Tổ Công tác đã đến đo đạc lại vào ngày 19/12/2018, xác định lại diện tích khuôn viên đất nhà G là 61,78 m², đồng thời ghi nhận có phần diện tích 1/2 tường chung thuộc nhà H (liền kề nhà G) chưa tính vào diện tích nêu trên.

Ngày 03/3/2020, bà Bùi Thị Tuyết K có yêu cầu kiểm tra lại chiều dài nhà G về phía cạnh giáp nhà J. Với kết quả đo đạc lại ngày 3/3/2020, Tổ Công tác và bà Bùi Thị Tuyết K, thống nhất số liệu kích thước và diện tích đất là 61,94m^2;

Trên cơ sở đó, ngày 31/7/2020, Ủy ban nhân dân Quận B có Văn bản số 856/UBND-BBT thông báo thống nhất số liệu đo đạc nhà G là 61,94 m^2;

Về phần diện tích đất 1/2 tường chung thuộc nhà H, Văn bản số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 Ủy ban nhân dân Quận B xác định:

Do diện tích 1/2 tường chung thuộc nhà H đã bồi thường về đất cho ông Bùi Đức T, nên không thể bổ sung để tính bồi thường cho nhà G của bà Bùi Thị Tuyết K và bà Dương Hoàng Lan K.

Không đồng ý với số liệu diện tích và việc không tính phần diện tích đất trên 1/2 tường chung thuộc nhà H vào cho nhà G. Bà Bùi Thị Tuyết K và bà

Dương Hoàng Lan K có đơn khiếu nại Văn bản số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 của Ủy ban nhân dân Quận B.

Ngày 20/10/2020, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND về giải quyết đơn khiếu nại. Quyết định công nhận đơn khiếu nại của bà Bùi Thị Tuyết K và bà Dương Hoàng Lan K đối với Văn bản số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 của Ủy ban nhân dân Quận B là đúng một phần (về số liệu diện tích); về diện tích đất 1/2 tường chung thuộc nhà Hngày 20/10/2020, Quyết định xác định Văn bản 856/UBND-BBT của Ủy ban nhân dân Quận B đã xử lý đúng và giao cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B tính toán lại diện tích và tham mưu Ủy ban nhân dân Quận B văn bản trả lời.

Ngày 02/12/2020, Ủy ban nhân dân Quận B có Văn bản 1332/UBND-BBT trả lời bà Bùi Thị Tuyết K và Dương Hoàng Lan K, xác định lại kích thước và diện tích đất là 62,21 m^2;

Về đơn giá đất tính bồi thường, hỗ trợ:

Ngày 06/11/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định số 5892/QĐ-UBND phê duyệt đơn giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ trong Dự án, trên địa bàn Quận B, căn cứ vào đó Ủy ban nhân dân Quận B tổ chức lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Việc bà Dương Hoàng Lan K tự đặt ra yêu cầu giá đất bồi thường 250 triệu/m² là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Về yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần, vật chất:

Bà Dương Hoàng Lan K khởi kiện Ủy ban nhân dân Quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, đòi bồi thường thiệt hại về tinh thần và vật chất (về giấy bút, tàu xe, ăn uống…) trong 750 ngày là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Tuyết K, bà Dương Hoàng Phương K do bà Bùi Thị Tuyết K là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Ủy ban nhân dân Quận B: giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Văn bản số 1084/UBND-BBT ngày 09/11/2021 và Văn bản số 1159/UBND-

BBT ngày 26/11/2021. Đề nghị Tòa án bác các yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất ý kiến với người khởi kiện.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

+ Về nội dung:

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Hoàng Lan K yêu cầu hủy Công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về việc không chấp nhận cộng ½ bức tường có chiều dài 15,9m, chiều rộng 0,6m có diện tích bằng 0,954 m^2; hủy một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về việc giải quyết ½ bức tường đã nêu tại công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020; Buộc Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường diện tích đất bị thu hồi theo đơn giá 200.000.000 đồng/m^2.

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 143, Khoản 2 Điều 165 Luật tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường tiền giấy bút, tiền tàu xe, chi phí đi lại, ăn uống để theo khiếu kiện tạm tính từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2021 là 1095 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng): 200.000 đồng/ngày x 1095 ngày = 219.000.000 đồng (hai trăm mười chín triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Người bị kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về diện tích đất tính bồi thường, hỗ trợ tại nhà số G , Phường M, Quận B; Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị Tuyết K và bà Dương Hoàng Lan K là các quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 31/7/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Công văn số 856/UBND-BBT và ngày 20/10/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện của bà Dương Hoàng Lan K vào ngày 08/12/2020. Căn cứ theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Hoàng Lan K, yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về diện tích đất tính bồi thường, hỗ trợ tại nhà số G , Phường M, Quận B, và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị Tuyết K và bà Dương Hoàng Lan K, địa chỉ số G , Phường M, Quận B (lần đầu) Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định ban hành quyết định:

Căn cứ Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban Công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 trả lời về diện tích đất tính bồi thường, hỗ trợ tại nhà số G , Phường M, Quận B và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị Tuyết K và bà Dương Hoàng Lan K, địa chỉ số G , Phường M, Quận B (lần đầu) là đúng thẩm quyền; trình tự, thủ tục ban hành.

[4.2] Về nội dung quyết định:

- Xét Công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về diện tích đất tính bồi thường, hỗ trợ tại nhà số G , Phường M, Quận B:

Công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 có nội dung:

"…Về diện tích đất thuộc ½ bức tường chung thuộc nhà HCách Mạng Tháng Tám: Do diện tích ½ bức tường chung thuộc nhà HCách Mạng Tháng Tám đã bồi thường về đất cho ông Bùi Đức T, nên không thể bổ sung để tính bồi thường cho nhà G của bà Bùi Thị Tuyết K và bà Dương Hoàng Lan K.".

Theo Giấy chứng nhận số CH 12985/GCN ngày 04/11/2014 do Ủy ban nhân dân Quận B Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Hoàng Lan K thì diện tích đất là 60,9m^2, và tại phần sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thể hiện bức tường giữa hai nhà Hvà G là tường chung, bề ngang đất là 3,44 m^2.

Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Người bị kiện xác định diện tích đất của nhà G là 62,21 m^2; Nhà H mua theo Nghị định 61/CP năm 2003, có chiều ngang lọt lòng nhà 3,40m, trong giấy chứng nhận công nhận chiều ngang nhà 3,50m do cộng thêm ½ tường chung về 2 bên, mỗi bên 5cm.

Bà K xác định trong diện tích 62,21 m^2 đã có diện tích ½ bức tường chung thuộc nhà G, nhưng bà cho rằng do nhà H đã từ bỏ bức tường chung và gia đình bà đã sử dụng bức tường chung trên 30 năm nên bức tường đó đã trở thành sở hữu của nhà G. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1407/GCN-2003 ngày 17/7/2003 do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Bùi Đức T và bà Trần Thị Kim O thì phần diện tích ½ tường chung vẫn thuộc nhà H.

Xét thấy, phần diện tích đất Ủy ban nhân dân Quận B đo vẽ có diện tích lớn hơn so với diện tích nhà G được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bức tường giữa nhà H và nhà G là tường chung, diện tích của ½ bức tường chung thuộc nhà G đã được tính vào diện tích đất của nhà G. Tại Biên bản làm việc ngày 05/10/2020, ông Bùi Đức T, chủ sở hữu nhà H xác định không từ bỏ ½ bức tường chung thuộc nhà H. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 với nội dung "Do diện tích ½ bức tường chung thuộc nhà H đã bồi thường về đất cho ông Bùi Đức T, nên không thể bổ sung để tính bồi thường cho nhà G của bà Bùi Thị Tuyết K và bà Dương Hoàng Lan K" là đúng quy định pháp luật.

- Xét nội dung Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị Tuyết K và bà Dương Hoàng Lan K, địa chỉ Phường M, Quận B:

Do nội dung về việc giải quyết ½ bức tường chung giữa nhà H và nhà G tại Công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 được ban hành đúng quy định pháp luật nên Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 có nội dung công nhận việc giải quyết diện tích ½ bức tường chung thuộc nhà H là có căn cứ và đúng pháp luật.

Qua đó xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Dương Hoàng Lan K về việc yêu cầu hủy Công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B và hủy một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về việc giải quyết ½ bức tường đã nêu tại công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường diện tích đất bị thu hồi 44,57m^2 theo đơn giá thị trường 200.000.000 đồng/m^2, cụ thể: 200.000.000 đồng x 44,57m^2 = 8.914.000.000 đồng (tám tỷ chín trăm mười bốn triệu đồng): Do Người khởi kiện không khởi kiện Phương án số 113/PA-MT2 ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân Quận B về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với nhà G Phường M, Quận B và cũng không cung cấp được chứng cứ cho việc áp dụng đơn giá 200.000.000 đồng/ m^2 nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường tiền giấy bút, tiền tàu xe, chi phí đi lại, ăn uống để theo khiếu kiện tạm tính từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2021 là 1095 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng): 200.000 đồng/ngày x 1095 ngày = 219.000.000 đồng (hai trăm mười chín triệu đồng):

Do ngày 10/5/2022, Người khởi kiện đã rút yêu cầu khởi kiện trên nên nên căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 143, Khoản 2 Điều 165 Luật tố tụng hành chính, Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của Người khởi kiện không được chấp nhận nên Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, điểm b Khoản 1 Điều 143, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Khoản 2 Điều 165, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

- Căn cứ Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử :

1. Bác các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Dương Hoàng Lan K gồm: yêu cầu hủy Công văn số 856/UBND-BBT ngày 31/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về diện tích đất tính bồi thường, hỗ trợ tại nhà G Phường M, Quận B; yêu cầu hủy một phần Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị Tuyết K và bà Dương Hoàng Lan K; yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường diện tích đất bị thu hồi 44,57m^2 theo đơn giá thị trường 200.000.000 đồng/m^2.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Quận B bồi thường tiền giấy bút, tiền tàu xe, chi phí đi lại, ăn uống để theo khiếu kiện tạm tính từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2021 là 1095 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng): 200.000 đồng/ngày x 1095 ngày = 219.000.000 đồng (hai trăm mười chín triệu đồng).

3. Về án phí: Bà Dương Hoàng Lan K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0093466 ngày 04/01/2021 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K đã nộp đủ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

Lê Hải Vân